

Tên văn bản pháp luật: Luật Giáo dục Bình đẳng Giới tính (性別平等教育法)

Ngày sửa đổi: Ngày 16 tháng 08 năm Dân Quốc thứ 112 (2023)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Luật này được ban hành nhằm thúc đẩy sự bình đẳng thực chất về vị thế giới tính, xóa bỏ phân biệt đối xử theo giới, bảo vệ nhân phẩm, đồng thời tích lũy và xây dựng tài nguyên cũng như môi trường giáo dục bình đẳng giới.

Phạm vi áp dụng đối với các sự cố quấy rối tình dục học đường sẽ được xử lý theo quy định của Luật này. Trường hợp do mối quan hệ thân phận của các bên liên quan mà không thuộc phạm vi áp dụng của Luật này, thì tùy theo tình huống cụ thể sẽ áp dụng Luật Bình đẳng Giới tính trong Lao động hoặc Luật Phòng chống Quấy rối Tình dục.

Điều 2

Cơ quan chủ quản được nói đến trong Luật này: Ở cấp Trung ương là Bộ Giáo dục; ở cấp thành phố trực thuộc trung ương là Chính quyền thành phố trực thuộc trung ương; ở cấp huyện (thành phố) là Chính quyền huyện (thành phố).

Các việc do Luật này quy định, khi được thực hiện tại các trường quân sự, trường dự bị, các cấp trường cảnh sát và trường giáo dưỡng thiếu niên, thì cơ quan chủ quản trực thuộc của các trường đó là cơ quan chủ quản theo quy định của Luật này.

Khi các việc do Luật này quy định liên quan đến nghiệp vụ của các cơ quan chủ quản ngành/mục tiêu nghiệp vụ tương ứng, các cơ quan đó có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 3

Các thuật ngữ trong Luật này được định nghĩa như sau:

- Giáo dục bình đẳng giới:** Là việc thông qua hình thức giáo dục để dạy về sự tôn trọng sự khác biệt đa dạng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử theo giới, thúc đẩy bình đẳng thực chất về vị thế giới tính.
- Trường học, giáo viên, nhân viên, công nhân và học sinh:**
 - Trường học:** Chỉ các trường học công lập và tư thục các cấp, trường quân sự, trường dự bị, các cấp trường cảnh sát và trường giáo dưỡng thiếu niên.

(2) *Giáo viên*: Chỉ giáo viên cơ hữu (toàn thời gian), giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên dạy thay, giáo viên thỉnh giảng, huấn luyện viên quân sự, tình nguyện viên hỗ trợ giảng dạy, thực tập sinh thực tế giảng dạy, người hướng dẫn thực tập tại cơ sở thực tập và những người khác thực hiện nhiệm vụ giảng dạy hoặc nghiên cứu.

(3) *Nhân viên, công nhân*: Chỉ những người ngoài nhóm giáo viên ở mục trước, thực hiện cố định hoặc định kỳ công việc nhà trường, tình nguyện viên hỗ trợ việc trường, nhân viên đối mối công tác học sinh và những người khác do cơ quan chủ quản trung ương chỉ định.

(4) *Học sinh*: Chỉ người có học tịch, người chưa có học tịch trong thời gian chuyển tiếp giữa các hệ học, người tham gia giáo dục bồi dưỡng mở rộng, học sinh trao đổi, học sinh thực tập giáo dục hoặc nghiên cứu sinh và những người khác do cơ quan chủ quản trung ương chỉ định.

3. **Sự cố giới tính trong học đường**: Chỉ sự cố mà một bên là hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, công nhân hoặc học sinh của trường, bên kia là học sinh, và thuộc một trong các trường hợp sau:

(1) *Xâm hại tình dục*: Chỉ hành vi phạm tội xâm hại tình dục được quy định trong Luật Phòng chống Tội phạm Xâm hại Tình dục.

(2) *Quấy rối tình dục*: Chỉ hành vi thuộc một trong các trường hợp sau mà chưa đến mức xâm hại tình dục:

1. Dùng hình thức thể hiện rõ ràng hoặc ám chỉ để thực hiện ngôn từ hay hành vi không được hoan nghênh có liên quan đến tình dục hoặc giới tính, gây ảnh hưởng đến nhân phẩm, cơ hội/biểu hiện học tập hoặc làm việc của người khác.

2. Dùng hành vi liên quan đến tình dục hoặc giới tính làm điểu kiện để bản thân hoặc người khác có được, mất đi hoặc bị tổn hại quy đến lợi liên quan đến học tập hoặc làm việc.

(3) *Bất nạt tình dục*: Chỉ hành vi hạ thấp, tấn công hoặc đe dọa đặc trưng giới tính, đặc tính giới, xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới của người khác thông qua ngôn ngữ, thể chất hoặc hình thức bạo lực khác mà không thuộc trường hợp quấy rối tình dục.

(4) *Hiệu trưởng hoặc cán bộ/giáo viên/nhân viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp liên quan đến tình dục hoặc giới tính*: Chỉ việc hiệu trưởng hoặc cán bộ/giáo viên/nhân viên phát triển mối quan hệ thân mật với học sinh vị thành niên, hoặc lợi dụng mối quan hệ quy đến lực bất bình đẳng để phát triển mối quan hệ vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong tương tác cá nhân liên quan đến tình dục/giới tính khi thực hiện việc giảng dạy, hướng dẫn, huấn luyện, đánh giá, quản lý, tư vấn học sinh hoặc cung cấp cơ hội việc làm cho học sinh.

4. **Bản dạng giới**: Chỉ nhận thức và sự chấp nhận của cá nhân đối với giới tính mà mình thuộc về.

Đi ề u 4

Cơ quan chủ quản trung ương phải thành lập Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính, có các nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu thảo luận và soạn thảo pháp quy, chính sách và kế hoạch thực hiện hàng năm liên quan đến giáo dục bình đẳng giới trên phạm vi toàn quốc.
2. Đi ề u phối và tích hợp các tài nguyên liên quan, hỗ trợ và tài trợ cho cơ quan chủ quản địa phương cùng các trường học, cơ quan giáo dục xã hội trực thuộc triển khai thực hiện và phát triển giáo dục bình đẳng giới.
3. Đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện công tác giáo dục bình đẳng giới của cơ quan chủ quản địa phương cùng các trường học, cơ quan giáo dục xã hội trực thuộc.
4. Thúc đẩy nghiên cứu và phát triển về chương trình học, giảng dạy, đánh giá và các vấn đề liên quan đến giáo dục bình đẳng giới.
5. Quy hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhân sự giáo dục bình đẳng giới.
6. Cung cấp dịch vụ tư vấn về các vấn đề liên quan đến giáo dục bình đẳng giới; đi ề u tra và xử lý các vụ việc liên quan đến Luật này.
7. Thúc đẩy giáo dục gia đình và giáo dục xã hội về bình đẳng giới trên phạm vi toàn quốc.
8. Các công việc khác về giáo dục bình đẳng giới trên phạm vi toàn quốc.

Đi ề u 5

Cơ quan chủ quản cấp thành phố trực thuộc trung ương, cấp huyện (thành phố) phải thành lập Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính, có các nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu thảo luận và soạn thảo quy định, chính sách và kế hoạch thực hiện hàng năm về giáo dục bình đẳng giới ở địa phương.
2. Đi ề u phối và tích hợp các tài nguyên liên quan, hỗ trợ các trường học, cơ quan giáo dục xã hội trực thuộc thực hiện và phát triển giáo dục bình đẳng giới.
3. Đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện công tác giáo dục bình đẳng giới của các trường học, cơ quan giáo dục xã hội trực thuộc.
4. Thúc đẩy nghiên cứu phát triển về chương trình học, giảng dạy, đánh giá và các vấn đề liên quan đến giáo dục bình đẳng giới.
5. Cung cấp dịch vụ tư vấn về các vấn đề liên quan đến giáo dục bình đẳng giới cho các trường học, cơ quan giáo dục xã hội trực thuộc; đi ề u tra và xử lý các vụ việc liên quan đến Luật này.
6. Tổ chức bồi dưỡng tại chức cho nhân sự giáo dục và nhân sự liên quan thuộc các trường học trực thuộc.
7. Thúc đẩy giáo dục gia đình và giáo dục xã hội về bình đẳng giới ở địa phương.
8. Các công việc khác về giáo dục bình đẳng giới ở địa phương.

Cơ quan chủ quản của trường quân sự, trường dự bị, các cấp trường cảnh sát và trường giáo dưỡng thì ể u niên phải thành lập Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính, có các nhiệm vụ sau:

9. Cung cấp tài nguyên liên quan, hỗ trợ các trường trực thuộc thực hiện và phát triển giáo dục bình đẳng giới.
10. Đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện công tác giáo dục bình đẳng giới của các trường trực thuộc.
11. Các việc quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 5 trước và các công việc giáo dục bình đẳng giới khác về các trường trực thuộc.

Điều 6

Trường học phải thành lập Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính, có các nhiệm vụ sau:

1. Tích hợp tài nguyên liên quan của các đơn vị trong trường, xây dựng kế hoạch thực hiện giáo dục bình đẳng giới, triển khai và rà soát kết quả thực hiện.
2. Quy hoạch hoặc tổ chức các hoạt động liên quan đến giáo dục bình đẳng giới cho học sinh, cán bộ/giáo viên/nhân viên và phụ huynh.
3. Nghiên cứu phát triển và quảng bá chương trình học, giảng dạy và đánh giá giáo dục bình đẳng giới.
4. Soạn thảo các quy định về thực hiện giáo dục bình đẳng giới và phòng chống sự cố giới tính học đường, xây dựng cơ chế, đồng thời điều phối và tích hợp các tài nguyên liên quan.
5. Điều tra và xử lý các vụ việc liên quan đến Luật này.
6. Quy hoạch và xây dựng không gian nhà trường an toàn, bình đẳng giới.
7. Thúc đẩy giáo dục gia đình và giáo dục xã hội về bình đẳng giới liên quan đến cộng đồng.
8. Các công việc giáo dục bình đẳng giới khác liên quan đến nhà trường hoặc cộng đồng.

Điều 7

Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính thuộc cơ quan chủ quản trung ương gồm từ 17 đến 23 ủy viên, hoạt động theo nhiệm kỳ, do Bộ trưởng Bộ Giáo dục làm Chủ nhiệm Ủy ban. Các ủy viên phải có ý thức bình đẳng giới và không có hành vi vi phạm bình đẳng giới, trong đó ủy viên là nữ phải chiếm từ một nửa (1/2) trở lên tổng số ủy viên; tổng số ủy viên là chuyên gia/học giả trong lĩnh vực liên quan, đại diện đoàn thể xã hội, đại diện học sinh và người làm công tác thực tiễn phải chiếm từ hai phần ba (2/3) trở lên tổng số ủy viên.

Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính nêu tại khoản trên phải họp ít nhất mỗi 3 tháng một lần và phải có nhân sự chuyên trách xử lý công việc liên quan; quy định về tổ chức, cuộc họp, tư cách ủy viên, nhiệm kỳ, lý do miễn nhiệm, trình tự miễn nhiệm và các vấn đề liên quan khác do cơ quan chủ quản trung ương định ra.

Điều 8

Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính thuộc cơ quan chủ quản thành phố trực thuộc trung ương, cấp huyện (thành phố) gồm từ 9 đến 23 ủy viên, hoạt động theo nhiệm kỳ, do người đứng đầu chính quy định thành phố trực thuộc trung ương hoặc huyện (thành phố) làm Chủ nhiệm Ủy ban. Các ủy viên phải có ý thức bình đẳng giới và không có hành vi vi phạm bình đẳng giới, trong đó ủy viên là nữ phải chiếm từ một nửa (1/2) trở lên tổng số ủy viên; tổng số ủy viên là chuyên gia/học giả trong lĩnh vực liên quan, đại diện đoàn thể xã hội, đại diện học sinh và người làm công tác thực tiễn phải chiếm từ một phần ba (1/3) trở lên tổng số ủy viên.

Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính nêu tại khoản trên phải họp ít nhất mỗi 3 tháng một lần và có nhân sự chuyên trách xử lý công việc liên quan; quy chuẩn về tổ chức, cuộc họp, tư cách ủy viên, nhiệm kỳ, lý do miễn nhiệm, trình tự miễn nhiệm và các vấn đề liên quan khác do cơ quan chủ quản trung ương định ra; cơ quan chủ quản cấp thành phố/huyện phải căn cứ theo quy chuẩn để ban hành pháp quy tự trị liên quan.

Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính thuộc cơ quan chủ quản trường quân sự, trường dự bị, trường cảnh sát các cấp và trường giáo dưỡng thì ủy viên gồm từ 9 đến 23 ủy viên, hoạt động theo nhiệm kỳ, do người đứng đầu cơ quan chủ quản trường làm Chủ nhiệm Ủy ban. Các ủy viên phải có ý thức bình đẳng giới và không vi phạm bình đẳng giới, ủy viên là nữ chiếm từ 1/2 trở lên; ủy viên là chuyên gia/học giả trong lĩnh vực liên quan phải chiếm từ 1/2 trở lên.

Ủy ban này họp ít nhất mỗi 3 tháng một lần và có nhân sự chuyên trách; quy định chi tiết do cơ quan chủ quản trường định ra.

Điều 9

Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính của trường học gồm từ 5 đến 21 ủy viên, hoạt động theo nhiệm kỳ, do Hiệu trưởng làm Chủ nhiệm Ủy ban. Các ủy viên phải có ý thức bình đẳng giới và không vi phạm bình đẳng giới, ủy viên là nữ chiếm từ 1/2 trở lên; có thể mời đại diện giáo viên, đại diện nhân viên/công nhân, đại diện phụ huynh, đại diện học sinh và chuyên gia/học giả làm ủy viên.

Ủy ban phải họp ít nhất mỗi học kỳ một lần và có nhân sự chuyên trách; quy chuẩn do cơ quan chủ quản trung ương định ra; trường học căn cứ theo quy chuẩn để ban hành quy định của trường.

Điều 10

Cơ quan chủ quản và trường học hàng năm phải tham khảo các phương án thực hiện do Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính lập ra để lập dự toán ngân sách kinh phí.

Điều 11

Cơ quan chủ quản phải **đôn đốc**, kiểm tra các trường học, cơ quan giáo dục xã hội hoặc cơ quan cấp dưới thuộc quy định quản lý trong việc thực hiện công tác giáo dục bình đẳng giới và cung cấp hỗ trợ cần thiết; khen thưởng đơn vị đạt thành tích tốt, đúng chính và hướng dẫn khắc phục đối với đơn vị yếu kém.

CHƯƠNG II: MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN HỌC TẬP

Điều 12

Trường học phải cung cấp môi trường học tập bình đẳng giới, tôn trọng và xem xét đến giới tính, đặc tính giới, bản dạng giới hoặc xu hướng tính dục khác nhau của học sinh và cán bộ/giáo viên/nhân viên, đồng thời xây dựng không gian khuôn viên an toàn.

Trường học phải quy định các quy tắc thực hiện giáo dục bình đẳng giới và công bố rộng rãi.

Điều 13

Trường học không được phân biệt đối xử về giới tính, đặc tính giới, bản dạng giới hoặc xu hướng tính dục trong tuyển sinh và cấp phép nhập học. Tuy nhiên, ngoại lệ đối với trường học, lớp học, khóa học được thành lập dựa trên truyền thống lịch sử, mục tiêu giáo dục đặc thù hoặc lý do chính đáng khác không xuất phát từ yếu tố giới tính đã được cơ quan chủ quản phê duyệt.

Điều 14

Trường học không được phân biệt đối xử đối với học sinh về giảng dạy, hoạt động, đánh giá, khen thưởng/xử phạt, phúc lợi và dịch vụ do yếu tố giới tính, đặc tính giới, bản dạng giới hoặc xu hướng tính dục. Tuy nhiên, trường hợp tính chất chỉ phù hợp với giới tính/đặc tính/bản dạng/xu hướng nhất định thì không thuộc hạn chế này.

Trường học phải chủ động cung cấp hỗ trợ cho học sinh đang ở vị thế bất lợi do giới tính, đặc tính giới, bản dạng giới hoặc xu hướng tính dục để cải thiện tình trạng của họ.

Điều 15

Trường học phải tích cực bảo vệ quy định được giáo dục của học sinh mang thai và cung cấp hỗ trợ cần thiết.

Điều 16

Nội dung giáo dục bình đẳng giới phải được đưa vào các khóa đào tạo trước khi nhận việc, bồi dưỡng nhân viên mới, nâng cao nghiệp vụ tại chức cho cán bộ/giáo viên/nhân viên và chương trình đào tạo dự

nguồn cán bộ quản lý giáo dục; trong đó, chương trình chuyên ngành giáo dục của các trường đại học đào tạo giáo viên phải có môn học liên quan đến giáo dục bình đẳng giới.

Điều 17

Thành phần của Ủy ban Cán cân Bảng điểm (Đánh giá thành tích), Ủy ban Giải quyết Khiếu nại, Ủy ban Xét duyệt Giáo viên của trường học và Ủy ban Giải quyết Khiếu nại Giáo viên của cơ quan chủ quản phải đảm bảo bất kỳ giới tính nào cũng chỉếm từ một phần ba (1/3) trở lên tổng số ủy viên. Tuy nhiên, ngoại lệ nếu Ủy ban Cán cân Bảng điểm và Ủy ban Xét duyệt Giáo viên của trường có số lượng giáo viên thuộc một giới tính nhất định ít hơn 1/3 tổng số ủy viên.

CHƯƠNG III: CHƯƠNG TRÌNH HỌC, GIÁO TRÌNH VÀ GIẢNG DẠY

Điều 18

Việc thiết kế chương trình học và hoạt động của trường học phải khuyến khích học sinh phát huy tiềm năng, không được phân biệt đối xử vì lý do giới tính.

Trường tiểu học và trung học cơ sở ngoài việc lồng ghép giáo dục bình đẳng giới vào chương trình học, mỗi học kỳ phải thực hiện các khóa học hoặc hoạt động liên quan tối thiểu 4 giờ.

Trường trung học phổ thông và 3 năm đầu của hệ cao đẳng 5 năm phải lồng ghép giáo dục bình đẳng giới vào chương trình học.

Các trường đại học/cao đẳng nên mở rộng các khóa học liên quan đến nghiên cứu giới tính.

Trường học phải phát triển quy hoạch chương trình học và phương thức đánh giá phù hợp với bình đẳng giới.

Điều 19

Việc biên soạn, thẩm định và lựa chọn giáo trình của trường học phải tuân thủ nguyên tắc giáo dục bình đẳng giới; nội dung giáo trình phải phản ánh cân bằng đóng góp lịch sử và trải nghiệm sống của các giới khác nhau, đồng thời thể hiện quan điểm giới đa dạng.

Điều 20

Giáo viên khi sử dụng giáo trình và thực hiện hoạt động giáo dục phải có ý thức bình đẳng giới, xóa bỏ định kiến giới, tránh thiên vị và phân biệt đối xử theo giới.

Giáo viên nên khuyến khích học sinh theo học các lĩnh vực ngành học phi truyền thống đối với giới tính của mình.

CHƯƠNG IV: PHÒNG CHỐNG SỰ CỐ GIỚI TÍNH HỌC ĐƯỜNG

Điều 21

Để phòng ngừa và xử lý sự cố giới tính học đường, cơ quan chủ quản trung ương phải ban hành Chuẩn mực Phòng chống Sự cố Giới tính Học đường; nội dung phải bao gồm quy hoạch an toàn trường học, lưu ý trong giảng dạy/hoạt động/tương tác nhân tế trong và ngoài trường, đạo đức nghề nghiệp liên quan đến tình dục/giới tính của hiệu trưởng và cán bộ/giáo viên/nhân viên, các việc phải chủ động né tránh báo cáo, cơ chế xử lý, trình tự và phương pháp cứu xét.

Trường học dựa trên chuẩn mực này để ban hành Quy định phòng chống và công bố rộng rãi; các trường từ trung học phổ thông trở lên phải ban hành quy định hoặc quy phạm đạo đức nghề nghiệp liên quan và công bố rộng rãi.

Trường học phải tích cực thúc đẩy giáo dục phòng chống sự cố giới tính, nâng cao nhận thức tôn trọng quyền tự chủ thân thể/tình dục của bản thân và người khác đối với hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, công nhân và học sinh; hàng năm định kỳ tổ chức hoạt động tuyên truyền và đánh giá hiệu quả thực hiện.

Điều 22

Khi hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên hoặc công nhân bị tố nhà trường nơi làm việc xảy ra sự cố nghi vấn về giới tính học đường, phải lập tức thông báo cho nhân sự có thẩm quyền theo quy định phòng chống của trường, và nhân sự có thẩm quyền phải xử lý theo quy định sau trong thời hạn không quá 24 giờ:

1. Thông báo cho cơ quan chủ quản của trường.
2. Thông báo cho cơ quan chủ quản công tác xã hội cấp thành phố/huyện sở tại theo Luật Phòng chống Tội phạm Xâm hại Tình dục, Luật Bảo đảm Quyền lợi và Phúc lợi Trẻ em & Thiếu niên, Luật Bảo đảm Quyền lợi Người khuyết tật và các pháp luật liên quan khác.

Hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, công nhân không được làm giả, sửa chữa, tiêu hủy hoặc che giấu chứng cứ của sự cố giới tính học đường do người khác thực hiện.

Trường học hoặc cơ quan chủ quản khi xử lý sự cố phải giao cho Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính đi điều tra xử lý. Không ai được tự lập cơ chế điều tra riêng; vi phạm sẽ làm kết quả điều tra vô hiệu.

Điều 23

Khi đi điều tra xử lý sự cố, trường học hoặc cơ quan chủ quản phải giữ vững nguyên tắc khách quan, công minh, chuyên nghiệp, tạo cơ hội đầy đủ cho hai bên đương sự trình bày ý kiến và tranh luận, nhưng phải tránh việc chất vấn lặp đi lặp lại.

Họ tên và thông tin nhận dạng của đương sự và người tố giác phải được giữ bí mật, trừ trường hợp phục vụ mục đích đi điều tra hoặc vì an toàn công cộng.

Điều 24

Trong thời gian đi điều tra, trường học hoặc cơ quan chủ quản phải thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm quy định học tập hoặc làm việc của đương sự; không được áp dụng quy định lực/vị thế bất bình đẳng để có hành vi gây ảnh hưởng đến quy định học tập, làm việc hoặc việc nộp đơn yêu cầu đi điều tra của nạn nhân.

Điều 25

Khi xử lý sự cố, trường học/cơ quan chủ quản phải thông báo cho đương sự và người đại diện theo pháp luật (hoặc người chăm sóc thực tế) về các quy định lợi có thể yêu cầu, các con đường cứu xét, hoặc chuyển giới thiệu đến cơ quan liên quan; đồng thời cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp như tư vấn tâm lý, hỗ trợ pháp lý, chuyển giao tài nguyên phúc lợi xã hội theo nhu cầu. Cung cấp biện pháp bảo vệ cần thiết cho người tố giác nếu họ có nguy cơ bị xâm hại.

Các dịch vụ hỗ trợ trên có thể ủy thác cho bác sĩ, tâm lý sư lâm sàng, tâm lý sư tư vấn, nhân viên công tác xã hội hoặc luật sư thực hiện.

Học sinh là nạn nhân của vụ việc xâm hại, quấy rối hoặc bắt nạt tình dục không thuộc phạm vi áp dụng của Luật này thì trường học trực thuộc có thể áp dụng tương tự quy định nêu trên để xử lý.

Điều 26

Sự cố sau khi được đi điều tra xác nhận là đúng sự thật, trường học hoặc cơ quan chủ quản phải tự mình hoặc chuyển giao người thực hiện hành vi cho cơ quan có thẩm quyền khác để xử phạt: khiển trách, ghi tội (cảnh cáo/kỷ luật), sa thải, đình chỉ công tác, không tiếp tục ký hợp đồng, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng hoặc các hình thức kỷ luật thích đáng khác.

Khi đưa ra hình thức kỷ luật, phải buộc người thực hiện hành vi chấp nhận tư vấn và hỗ trợ tâm lý, đồng thời có thể buộc thực hiện một hoặc nhiều biện pháp sau (trừ người bị cấm tuyển dụng/sử dụng vĩnh viễn):

1. Xin lỗi nạn nhân (sau khi có sự đồng ý của nạn nhân, người đại diện theo pháp luật hoặc người chăm sóc thực tế).

2. Tham gia khóa học giáo dục bình đẳng giới thời lượng 8 giờ.
3. Các biện pháp khác phù hợp với mục tiêu giáo dục.

Trường hợp quấy rối, bắt nạt tình dục hoặc vi phạm đạo đức nghề nghiệp có tình tiết nhẹ, trường học/cơ quan chủ quản có thể chỉ áp dụng các biện pháp xử lý cần thiết theo Khoản 2 Điều này.

Khi hình thức kỷ luật làm thay đổi thân phận của người thực hiện hành vi, phải cho họ cơ hội trình bày ý kiến bằng văn bản.

Điều 27

Trong quá trình điều tra, trường học/cơ quan chủ quản có thể giải thích về các việc liên quan, phương thức và nguyên tắc xử lý tùy theo tình hình. Sau khi xử lý xong, nếu được sự đồng ý của nạn nhân (hoặc người đại diện/chăm sóc), có thể công bố về việc có hay không có sự cố, hình thái và cách xử lý, nhưng không được tiết lộ họ tên hoặc thông tin nhận dạng của đương sự.

Điều 28

Trường học hoặc cơ quan chủ quản phải lập hồ sơ lưu trữ về các sự cố giới tính học đường.

Nếu người thực hiện hành vi là học sinh chuyển sang trường khác, trường cũ và cơ quan chủ quản nếu thấy cần thiết phải theo dõi tư vấn thì trong vòng 1 tháng sau khi biết tin phải thông báo cho trường mới.

Nếu người thực hiện hành vi không phải học sinh chuyển công tác sang trường khác, trường cũ và cơ quan chủ quản phải theo dõi tư vấn và thông báo cho trường mới.

Trường nhận thông báo phải thực hiện theo dõi tư vấn cần thiết, không có lý do chính đáng không được công khai họ tên hay thông tin nhận dạng của người đó.

Điều 29

Cán bộ/giáo viên/nhân viên do trường tuyển dụng, sử dụng mà qua điều tra của Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính xác nhận thuộc một trong các trường hợp sau thì trường học phải sa thải, bãi nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng/quan hệ sử dụng:

1. Có hành vi xâm hại tình dục, hoặc có hành vi quấy rối, bắt nạt tình dục, vi phạm đạo đức nghề nghiệp đến mức cần cấm tuyển dụng/sử dụng vĩnh viễn.
2. Có hành vi quấy rối, bắt nạt tình dục, vi phạm đạo đức nghề nghiệp đến mức cần sa thải/bãi nhiệm/chấm dứt hợp đồng và qua xem xét tình tiết vụ việc đã quyết nghị cấm tuyển dụng/sử dụng từ 1 đến 4 năm.

Người thuộc Khoản 1 nêu trên bị cấm tuyển dụng/sử dụng tại tất cả các cấp trường học; người thuộc Khoản 2 bị cấm trong thời gian từ 1 đến 4 năm theo quy định.

Điều 30

Đối với các trường hợp tại Điều trên, cơ quan chủ quản và trường học phải thực hiện thông báo, thu thập thông tin và tra cứu.

Trước khi tuyển dụng/sử dụng nhân sự, trường học phải tra cứu lý lịch tư pháp về tội xâm hại tình dục và tra cứu xem người đó có liên hệ vi phạm hay không. Định kỳ tra cứu đối với nhân sự đang làm việc.

Trường hợp nhân sự thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Giáo viên, Luật Tuyển dụng Nhân sự Giáo dục, pháp luật Công chức hay Quân nhân, việc sa thải, đình chỉ, bãi nhiệm, giải chức, tước quân tịch... sẽ thực hiện theo luật chuyên ngành tương ứng và áp dụng các quy định tra cứu nêu trên. Nếu chưa bị sa thải/bãi nhiệm thì phải chuyển giao khỏi vị trí công tác hiện tại trong trường.

Trong thời gian điều tra, trường học/cơ quan chủ quản phải dựa trên quy định của Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính để ra lệnh tạm đình chỉ công tác đối với người bị nghi vấn; nếu sau đó khôi phục chức vụ thì phần liên quan chưa phát sẽ được truy lĩnh theo quy định.

CHƯƠNG V: YÊU CẦU ĐIỀU TRA VÀ CỨU XÉT

Điều 31

Nạn nhân, người đại diện theo pháp luật hoặc người chăm sóc thực tế có thể nộp đơn bằng văn bản yêu cầu trường học của người thực hiện hành vi liên quan hành vi điều tra. Trường hợp người thực hiện hành vi hiện là hoặc từng là Hiệu trưởng, đơn yêu cầu phải nộp lên cơ quan chủ quản của trường.

Bất kỳ ai bị liên quan sự cố nêu trên điều tra có thể tố giác theo trình tự quy định.

Trường học và cơ quan chủ quản không được đưa ra xử phạt hoặc biện pháp bất lợi đối với nạn nhân hay người tố giác/người hỗ trợ do việc nộp đơn yêu cầu điều tra hoặc tố giác.

Điều 32

Trường học hoặc cơ quan chủ quản khi nhận được đơn yêu cầu điều tra hoặc tố giác, trong vòng 20 ngày phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn, nạn nhân hoặc người tố giác về việc có thụ lý hay không.

Trường hợp không thụ lý: Việc không thuộc phạm vi Luật này; Không ghi rõ họ tên thật; Sự việc đã được xử lý xong. Thông báo không thụ lý phải nêu rõ lý do.

Người nộp đơn/nạn nhân/người tố giác nếu không nhận được thông báo trong thời hạn hoặc không đồng ý với thông báo không thụ lý, có thể nộp đơn phúc nghị (申復) bằng văn bản trong vòng **20 ngày** kể từ ngày nhận thông báo.

Điều 33

Trừ các trường hợp không thụ lý, trường học/cơ quan chủ quản phải chuyển vụ việc cho Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính trong vòng **3 ngày** để điề u tra xử lý.

Ủy ban có thể thành lập Tổ điề u tra. Nếu người bị tố giác là Hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, công nhân thì **toàn bộ thành viên Tổ điề u tra phải thuê ngoài (mời chuyên gia bên ngoài)**.

Thành viên Tổ điề u tra phải có ý thức bình đẳng giới, thành viên nữ không dưới 1/2. Số lượng chuyên gia/học giả có năng lực chuyên môn điề u tra phải chiếm từ 1/3 trở lên (ở cấp trường) hoặc 1/2 trở lên (ở cấp cơ quan chủ quản).

Các bên liên quan và đơn vị được mời hỗ trợ điề u tra phải phối hợp cung cấp tài liệu, không được né tránh, cản trở hoặc từ chối.

Điều 34

Việc điề u tra xử lý của Ủy ban không bị ảnh hưởng bởi tiến trình tố tụng tư pháp của vụ việc đó.

Ủy ban phải cân nhắc để n khoảng cách quy ề n lực giữa hai bên đương sự.

Nếu phát hiện người thực hiện hành vi có nguy cơ từng gây ra sự cố ở các trường khác, phải thông báo cho trường hiện tại và trường cũ để rà soát phối hợp. Phát hiện một người thực hiện hành vi đối với nhiều nạn nhân khác nhau thì có thể gộp án điề u tra.

Điều 35

Trường hợp Hiệu trưởng liên quan đến sự cố, nếu Ủy ban đánh giá tình hình nghiêm trọng cần điề u chuyển hoặc tạm đình chỉ chức vụ trong thời gian điề u tra, cơ quan chủ quản có quy ề n thực hiện.

Nếu kết quả điề u tra xác định hành vi không đúng sự thật (hoặc không đến mức bị đình chỉ/bãi nhiệm), Hiệu trưởng được xin khôi phục chức vụ và truy lĩnh lương.

Trong thời gian xử lý thủ tục kỷ luật/đình chỉ/bãi nhiệm/chuyển giao xử lý đối với cán bộ/giáo viên/nhân viên/hiệu trưởng, không được thụ lý đơn xin nghỉ hưu hoặc thôi việc của họ.

Điều 36

Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính phải hoàn thành điề u tra trong vòng **2 tháng** kể từ khi thụ lý. Khi cần thì ể t có thể gia hạn tối đa 2 lần, mỗi lần **không quá 1 tháng** và phải thông báo cho các bên.

Sau khi điề u tra xong, Ủy ban trình Báo cáo điề u tra và ki ể n nghị xử lý bằng văn bản lên trường học hoặc cơ quan chủ quản.

Trường học/cơ quan chủ quản trong vòng **2 tháng** sau khi nhận báo cáo phải ra quy ể t **định** xử lý và thông báo bằng văn bản (nêu rõ thực t ế và lý do) cho các bên.

Điề u 37

Đương sự không đồng ý với k ể t quả xử lý có thể nộp đơn phúc nghị (申復) bằng văn bản trong vòng **30 ngày** kể từ ngày nhận thông báo. Trường hợp người bị tố giác là Hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, công nhân thì người nộp đơn/nạn nhân có thể nộp đơn phúc nghị trực ti ể p lên cơ quan chủ quản.

Đơn phúc nghị chỉ được thực hiện **1 lần**.

N ể u phát hiện quy trình điề u tra có sai sót nghiêm trọng hoặc có tình ti ể t/chứng cứ mới, có thể yêu cầu Ủy ban điề u tra lại (hoàn thành trong vòng **40 ngày**).

Điề u 38

Khi nhận được yêu cầu điề u tra lại, Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính phải thành lập một Tổ điề u tra khác; trình tự điề u tra áp dụng theo quy **định** của Luật này.

Điề u 39

N ể u không đồng ý với k ể t quả phúc nghị, trong vòng **30 ngày** có thể thực hiện quy ề n cứu xét (khi ể u nại/khởi kiện) theo quy **định** của Luật Giáo viên, Luật Bảo đảm Công chức, hoặc quy **định** khi ể u nại của học sinh.

Điề u 40

Cơ quan chủ quản có trách nhiệm giám sát, hướng dẫn, tư vấn cho trường học. N ể u trường học xử lý vi phạm pháp luật hoặc có sai sót, cơ quan chủ quản có quy ề n yêu cầu sửa **đổi**, trả v ề xem xét lại hoặc trực ti ể p thụ lý quy ể t nghị.

Điề u 41

Trường học, cơ quan chủ quản và Tòa án khi xác **định** các tình ti ể t thực t ế liên quan đ ể n vụ việc thuộc Luật này phải xem xét và căn cứ vào Báo cáo điề u tra của Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới tính các cấp.

Đi ề u 42

Trường hợp người thực hiện hành vi là Hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, công nhân gây thiệt hại cho học sinh thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại (bao gồm tổn thất tinh thần và phục hồi danh dự).

Tòa án có thể căn cứ theo mức độ xâm hại để quy ế t định khoản bồi thường mang tính xử phạt từ 1 đ ế n 3 lần số ti ề n thiệt hại; trường hợp người thực hiện hành vi là Hiệu trưởng, có thể ấn định từ 3 đ ế n 5 lần.

CHƯƠNG VI: XỬ PHẠT

Đi ề u 43

Hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, công nhân thuộc một trong các trường hợp sau sẽ bị phạt ti ề n từ 30.000 đ ế n 150.000 Tân Đài Tệ (TWD):

1. Không có lý do chính đáng, vi phạm quy định tại Khoản 1 Đi ề u 22, không thông báo trong vòng 24 giờ.
2. Vi phạm Khoản 2 Đi ề u 22, làm giả, sửa chữa, tiêu hủy hoặc che giấu chứng cứ.

Trường học vi phạm các quy định v ề thủ tục, bảo mật, bảo vệ nạn nhân... bị phạt ti ề n từ 10.000 đ ế n 150.000 TWD.

Trường học vi phạm Đi ề u 13, 14, 15, 17 hoặc Khoản 2 Đi ề u 21 bị phạt từ 10.000 đ ế n 100.000 TWD.

Người thực hiện hành vi không phối hợp chấp hành xử phạt hoặc không phối hợp đi ề u tra mà không có lý do chính đáng bị phạt từ 10.000 đ ế n 50.000 TWD và có thể bị phạt liên tục cho đ ế n khi phối hợp.

Hiệu trưởng hoặc Hội đồng quản trị nhà trường lơ là trách nhiệm dẫn đ ế n việc không thực hiện kỷ luật/xử lý bị phạt ti ề n từ 10.000 đ ế n 50.000 TWD.

Đi ề u 44

Cán bộ/giáo viên/nhân viên vi phạm quy định thông báo sự cố xâm hại tình dục dẫn đ ế n tái diễn sự cố, hoặc che giấu/tiêu hủy chứng cứ sự cố xâm hại tình dục, sau khi xác minh đúng sự thật sẽ bị sa thải, bãi nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng.

Trường học hoặc cơ quan chủ quản phải chủ động tố giác ra cơ quan tư pháp đối với các nhân sự vi phạm nêu trên.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45

Quy định tại Điều 10, Điều 25 và Điều 26 của Luật Phòng chống Quấy rối Tình dục được áp dụng đối với các sự cố giới tính học đường quy định trong Luật này.

Điều 46

Đối với các sự cố giới tính học đường đã thụ lý trước khi điều khoản sửa đổi ngày 28 tháng 07 năm 2023 có hiệu lực nhưng chưa kết thúc, hoặc xảy ra trước khi sửa đổi nhưng thụ lý sau khi sửa đổi, thì điều khoản kết thúc theo quy định mới sau khi sửa đổi. Tuy nhiên, hiệu lực của các trình tự thủ tục đã thực hiện trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 47

Điều khoản thi hành chi tiết của Luật này do cơ quan chủ quản trung ương định ra.

Điều 48

Ngày có hiệu lực của Luật này: Ngoại trừ các khoản/điều cụ thể (bao gồm Điều 2 Khoản 2, Điều 3 Khoản 2 & 3, Điều 5 Khoản 2, Điều 7 đến 9, Điều 21, Điều 29, Điều 30, Điều 33, Điều 37, Điều 40, Điều 44) có hiệu lực từ ngày 08 tháng 03 năm Dân Quốc thứ 113 (2024), các điều khoản còn lại có hiệu lực kể từ ngày công bố.